

Số: 14 /TB-SNN

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 3 năm 2019

THÔNG BÁO
Kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2018

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức ban hành kèm theo Quyết định 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý viên chức; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 158-NQ/ĐU ngày 25/3/2019 của Đảng ủy Sở Nông nghiệp và PTNT về công tác Tổ chức cán bộ

Sở Nông nghiệp và PTNT Thông báo kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2018 đối với 22 công chức, viên chức hiện đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Sở như sau:

- Tổng số công chức, viên chức đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn: 22 người.
- Tổng số công chức, viên chức đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn: 21 người.

- Tổng số công chức, viên chức không đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn: 01 người.

(Có danh sách kèm theo)

Danh sách công chức, viên chức nâng bậc lương trước thời hạn năm 2018 được niêm yết công khai tại Văn phòng Sở, trên Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang và tại các đơn vị trực thuộc Sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày 25/3/2019 đến hết ngày 29/3/2019.

Giao Trưởng các phòng chuyên môn, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm thông báo đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị được biết.

Mọi phản ánh, kiến nghị xin gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua phòng Tổ chức cán bộ) trước ngày 29/3/2019. Nếu quá thời gian trên không có phản ánh, kiến nghị khác thì kết quả trên được công nhận là chính thức.

Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo để các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở và toàn thể công chức, viên chức được biết./.

Nơi nhận: 

- Sở Nội vụ (Thay báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Việt

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Thông báo số: 14 /TB-SNN ngày 25/3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Trình độ chuyên môn	Tiền lương đang hưởng						Thời gian giữ bậc tính đến 31/12/2018	Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị					Đề xuất của phòng TCCB	Kết luận
		Nam	Nữ			Ngạch/Chức danh	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian nâng lương lần sau			Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian tính nâng lương lần sau	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	15	16
1	Trần Hải Tuyên	1978		Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Thạc sỹ	Chuyên viên chính	01.002	1/8	4,4		01/2017	24 tháng	Năm 2016, 2017, 2018 đạt danh hiệu Chiến sỹ TĐCS	2/8	4,74		01/2019	12 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
2	Trần Gia Lam	1980		Trưởng phòng PTNT và bố trí dân cư, Chi cục PTNT	Thạc sỹ	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		01/2016	36 tháng	Năm 2016, 2017, 2018 đạt danh hiệu CSTĐCS	6/9	3,99		01/2018	12 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
3	Vũ Ngọc Tuyên	1976		Trưởng phòng Thông tin, tuyên truyền, Trung tâm Khuyến nông	Đại học	Kỹ sư	13.095	6/9	3,99		01/2016	36 tháng	Chiến sỹ thi đua cơ sở 03 năm liên tiếp	7/9	4,32		01/2018	12 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
4	Lê Thị Thanh Nhân		1979	Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	Thạc sỹ	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		4/2016	33 tháng	Năm 2017 được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen	6/9	3,99		7/2018	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Trình độ chuyên môn	Tiền lương đang hưởng					Thời gian giữ bậc tính đến 31/12/2018	Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị					Đề xuất của phòng TCCB	Kết luận	
		Nam	Nữ			Ngạch/Chức danh	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu			Thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian tính nâng lương lần sau			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn
5	Phạm Văn Toàn	1977		Giám đốc Trung tâm nước sạch và VSMTNT	Thạc sĩ	Chuyên viên	01.003	6/9	3,99		12/2016	25 tháng	Năm 2016, 2017 đạt danh hiệu CSTĐCS	7/9	4,32		3/2019	9 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
6	Nguyễn Bảo Anh	1963		Quyền Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm	Đại học	Kiểm lâm viên chi	10.225	4/8	5,42		4/2016	33 tháng	Bảng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2018, Bộ Công Thương năm 2017	5/8	5,76		7/2018	9 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
7	Bùi Anh Thu		1977	Kiểm lâm viên Hạt Kiểm lâm huyện Na Hang	Đại học	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		4/2016	33 tháng	02 năm liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS (2016, 2017)	5/9	3,66		7/2018	9 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
8	Hồ Văn Luận	1980		Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm Khu C, Hạt KL huyện Na Hang	Đại học	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		12/2016	25 tháng	03 năm không liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS (2015, 2016 và năm 2017)	5/9	3,66		3/2019	9 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Trình độ chuyên môn	Tiền lương đang hưởng					Thời gian giữ bậc tính đến 31/12/2018	Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị					Đề xuất của phòng TCCB	Kết luận	
		Nam	Nữ			Ngạch/Chức danh	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu			Thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian tính nâng lương lần sau			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn
9	Nguyễn Văn Thuần	1970		Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Đại học	Chuyên viên chính	01.002	2/8	4,74		4/2016	33 tháng	Năm 2016 được CT UBND tỉnh tặng Bằng khen; Năm 2018 đạt danh hiệu CSTĐCS	3/8	5,08		7/2018	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
10	Nguyễn Đăng Khoa	1968		Phó chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Kiểm dịch viên động vật	09.316	8/9	4,65		01/2016	36 tháng	Năm 2013 được Bằng khen của BCHCD NN và PTNT	9/9	4,98		4/2018	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
11	Nguyễn Thị Mai Lan		1968	Trưởng phòng Quản lý giống và KTCN, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Kiểm dịch viên động vật	09.316	5/9	3,66		02/2016	35 tháng	Bằng khen của BCH liên đoàn lao động tỉnh năm 2016, Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2018	6/9	3,99		5/2018	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
12	Bùi Quang Huy	1981		Viên chức, Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Sơn Dương	Đại học	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V.03.04.11	3/9	3,00		3/2016	34 tháng	Năm 2016 được Bằng khen của BCH liên đoàn lao động tỉnh	4/9	3,33		6/2018	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	
13	Lê Thị Quỳnh Mai		1980	Trưởng phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại, Chi cục PTNT	Thạc sỹ	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		01/2016	36 tháng	Năm 2017, 2018 đạt danh hiệu CSTĐCS	6/9	3,99		4/2018	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Trình độ chuyên môn	Tiền lương đang hưởng					Thời gian giữ bậc tính đến 31/12/2018	Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị				Đề xuất của phòng TCCB	Kết luận	
		Nam	Nữ			Ngạch/Chức danh	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu			Thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu			Thời gian tính nâng lương lần sau
14	Lô Văn Cấp	1986		Viên chức, Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Hàm Yên	Đại học	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III	V03.01.02	2/9	2,67		8/2016	29 tháng	Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2018	3/9	3,00		2/2019	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn
15	Mai Liên		1976	Kế toán trưởng, Chi cục Kiểm lâm	Đại học	Kế toán viên	06.031	6/9	3,99		8/2016	29 tháng	Năm 2016 đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở	7/9	4,32		02/2019	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn
16	Ma Phúc Sáng	1982		Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Chiêm Hóa	Đại học	Kiểm lâm viên	10.226	3/9	3,00		3/2016	34 tháng	Năm 2016 đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở	4/9	3,33		9/2018	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn
17	Nguyễn Bảo Dũng	1982		Kiểm lâm viên Hạt Kiểm lâm RD D Cham Chu	Đại học	Kiểm lâm viên	10.226	4/9	3,33		5/2016	32 tháng	Năm 2013 đạt danh hiệu CSTĐCS	5/9	3,66		11/2018	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn
18	Nguyễn Xuân Hùng	1979		Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm Sơn Phú, Hạt KL rừng đặc dụng Na Hang	Thạc sỹ	Kiểm lâm viên	10.226	5/9	3,66		8/2016	29 tháng	Năm 2018 đạt danh hiệu CSTĐCS	6/9	3,99		02/2019	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Trình độ chuyên môn	Tiền lương đang hưởng					Thời gian giữ bậc tính đến 31/12/2018	Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị					Đề xuất của phòng TCCB	Kết luận
		Nam	Nữ			Ngạch/Chức danh	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu			Thời gian nâng lương lần sau	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian tính nâng lương lần sau		
19	Nguyễn Văn Quy	1979		Chuyên viên phòng Cơ điện và ngành nghề nông thôn, Chi cục PTNT	Đại học	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00		3/2016	34 tháng	Năm 2018 đạt danh hiệu CSTĐCS	4/9	3,33		9/2018	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn
20	Nguyễn Mạnh Hà	1985		Viên chức, Trạm Chăn nuôi và Thú y Thành phố	Đại học	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V.03.04.11	2/9	2,67		4/2016	32 tháng	Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2017	3/9	3,00		10/2018	06 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn
21	Ma Trọng Dương	1976		Viên chức, Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Chiêm Hóa		Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III	V.03.04.11	5/9	3,66		7/2016	29 tháng	Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2017, 2018	6/9	3,99		01/2019	09 tháng	Đủ điều kiện nâng lương trước thời hạn

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Thông báo số: **14** /TB-SNN ngày 25/3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Trình độ chuyên môn	Tiền lương đang hưởng						Thời gian giữ bậc tính đến 31/12/2017	Thành tích đạt được	Đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị					Đề xuất của phòng TCCB	Kết luận
		Nam	Nữ			Ngạch/ Chức danh	Mã số	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian nâng lương lần sau			Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian tính nâng lương lần sau	Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	15	16
1	Nguyễn Thế Anh	1979		Công chức phòng QL giống và KTCN, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Kiểm dịch viên động vật	09.316	5/9	3,66		10/2016	26 tháng	Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2017	5/9	3,66		4/2019	06 tháng	<i>Không đủ điều kiện</i>	

Ghi chú: Theo quy định tại Điểm a, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV : Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư này và lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản, nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng so với thời gian quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư này.